

# Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam 6 tháng đầu năm 2009

LÊ THỊ THANH HUỖN

**V**ai trò của vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đối với nền kinh tế nước ta trong thời gian qua ngày càng được khẳng định. Tỷ trọng của khu vực kinh tế đầu tư nước ngoài trong GDP vẫn tiếp tục tăng lên, từ 17,02% năm 2006 lên 17,66% năm 2007, đồng thời góp phần đưa tỷ lệ đầu tư toàn xã hội bình quân lên mức trên 45% GDP trong 3 năm đầu kế hoạch 2006-2010. Nhìn lại 3 năm qua, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã đóng góp ngày càng tích cực hơn vào quá trình chuyển dịch cơ cấu và tăng trưởng kinh tế của nước ta. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu đã làm cho thu hút vốn đầu tư trực tiếp 6 tháng đầu năm 2009 gặp nhiều khó khăn hơn. Từ đó tạo nên những điểm khác biệt đáng lưu ý trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong sáu tháng đầu năm nay. Cụ thể:

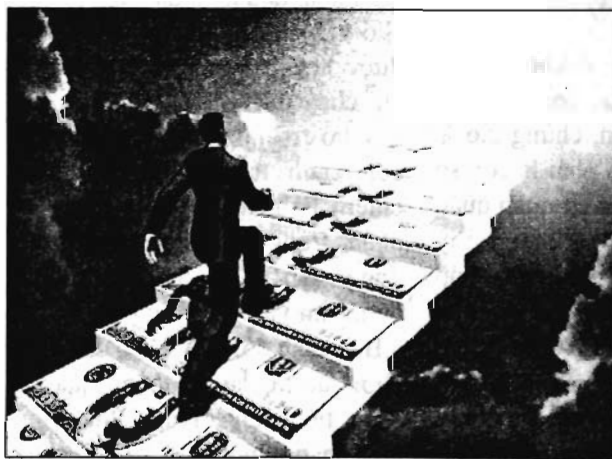
**Thứ nhất**, FDI vào Việt Nam đã chậm lại so với cùng kỳ năm trước, cả về lượng vốn đăng ký và lượng vốn thực hiện. Lượng vốn đăng ký tháng 4 chỉ đạt 342 triệu USD, giảm 52% so với tháng 3 và giảm 87% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung tổng số vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cấp mới và tăng thêm 6 tháng đầu năm 2009 đạt 8,87 tỷ USD, bằng 22,6% so với cùng kỳ năm 2008.

Như vậy, việc gia nhập WTO, làn sóng FDI đầu tư vào Việt Nam đã tăng tốc trong hai năm đầu tiên (năm 2007 FDI đăng ký đạt 21.348 triệu USD, thực hiện đạt 8.030 triệu USD; năm 2008 tăng mạnh tương ứng là 64.100 triệu USD và 11.500 triệu USD), nhưng do tác động tiêu cực của cuộc khủng hoảng tài chính và suy thoái kinh tế thế giới đã làm cho làn sóng này bị chậm lại. Nói bị chậm lại là so với năm 2008, dự báo triển vọng cả

năm sẽ vẫn cao hơn năm 2007.

**Thứ hai**, lượng vốn đăng ký bổ sung của các dự án được

đổi với nhà đầu tư này, nhưng không khó khăn đối với nhà đầu tư kia, có thể khó khăn đối



với nước này, nhưng không khó khăn đối với nước kia; còn “lòng tin vào nơi đầu tư” thì lại có sức hút để các nhà đầu tư không gặp khó khăn về vốn có thể chuyển nơi đầu tư.

cấp phép từ các năm trước tăng tương ứng với lượng vốn đăng ký mới (4.721 triệu USD so với 4.149 tỷ USD). Điều đó chứng tỏ các nhà đầu tư tại Việt Nam vẫn nhận thấy kết quả tích cực và triển vọng khả quan của việc đầu tư và làm ăn tại Việt Nam. “Lòng tin vào nơi đầu tư” có ý nghĩa không kém gì “nguồn vốn”, bởi “nguồn vốn” có thể khó khăn

**Thứ ba**, so với vốn đăng ký, giải ngân FDI 6 tháng đầu năm nay không bị bỏ lại quá xa. Theo ước tính, lượng vốn FDI giải ngân trong nửa đầu năm nay đã đạt khoảng 4 tỷ USD, bằng 81,6% cùng kỳ năm ngoái, trong đó vốn từ nước ngoài đạt khoảng 3,3 tỷ USD. Với các “cung bậc” FDI 6 tháng qua, vốn giải ngân tuy ở “bè trầm” cùng nhiều con số

khả “khiêm tốn” khác, tuy nhiên thực tế tỷ lệ giải ngân lại cao, chiếm tới 45% tổng vốn đăng ký.

**Thứ tư**, tỷ trọng đầu tư vào các ngành, lĩnh vực có sự khác biệt lớn so với trước đây. Lượng vốn đầu tư vào khu vực dịch vụ chiếm tới 47%, với 74,318 triệu USD; còn khu vực công nghiệp chỉ có 87,400 triệu USD, chỉ chiếm 53%. Đây là kết quả tích cực của việc mở cửa đối với khu vực dịch vụ rộng hơn sau cam kết khi gia nhập WTO.

Trong khu vực dịch vụ, phần lớn lượng vốn đã được thu hút vào lĩnh vực bất động sản lên đến 33,329 triệu USD, chiếm tới 97% tổng vốn đăng ký đầu tư vào khu vực dịch vụ và chiếm 91% tổng vốn đầu tư đăng ký vào nước ta trong sáu tháng qua. Cũng từ đó có thể dự báo về khả năng ảm đạm của thị trường bất động sản trong một vài năm tới sau một thời gian bị đóng băng về giao dịch và giá cả.

Tuy nhiên, lượng vốn đăng ký đầu vào khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản trong sáu tháng hầu như không có. Chiều hướng ngày một ít vốn đầu tư nước ngoài vào khu vực nông, lâm nghiệp - thủy sản có thể do khả năng sinh lời và thời gian thu hồi vốn chậm của khu vực này. Điều đó cũng đòi hỏi các nguồn vốn trong nước cần được tăng mạnh hơn cho khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản, không những để bù đắp cho chiều hướng trên, mà còn ngăn chặn sự sụt giảm tỷ trọng tổng vốn đầu tư xã hội cho khu vực này (giảm gần

như liên tục từ 14,1% năm 1999 xuống còn 6,5% năm 2007, thấp rất xa so với tỷ trọng trên 20% chiếm trong GDP).

**Thứ năm**, tính đến cuối năm 2008, tổng lượng vốn đăng ký đầu tư trực tiếp của Mỹ vào Việt Nam đạt gần 5 tỷ USD, đứng thứ 9 trong các nước và vùng lãnh thổ đầu tư trực tiếp vào Việt Nam (sau Đài Loan, Malaysia, Nhật Bản, Singapore, Hàn Quốc, Quần đảo Virgin thuộc Anh, Hồng Kông, Thái Lan), thì chỉ trong 6 tháng này đã vượt lên vị trí thứ 7, với 8.587 triệu USD, chiếm tới 60% tổng số và cao hơn tổng lượng vốn đăng ký tính từ 1988 đến cuối năm 2007 (3.480 triệu USD), vượt qua Hồng Kông, Thái Lan,... Các nhà đầu tư Mỹ có sự vượt lên mạnh mẽ như vậy hẳn phải có nhiều lý do, trong đó Việt Nam được lựa chọn hẳn có sự hấp dẫn nhất định...

**Thứ sáu**, Cùng lúc với sự sụt giảm của lượng vốn đầu tư nước ngoài đổ vào Việt Nam, xuất khẩu của khối doanh nghiệp FDI cũng giảm. Kim ngạch xuất khẩu 6 tháng đầu năm 2009 của các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (không kể dầu thô) đạt 10,3 tỷ USD (chiếm 37,3% kim ngạch xuất khẩu cả nước, giảm 7,6% so với cùng kỳ năm trước (11,3 tỷ USD). Theo dự báo thì kim ngạch xuất khẩu của các doanh nghiệp FDI sẽ giảm từ 10 lên 15%. Điều này mang một ý nghĩa nhất định đối với tăng trưởng kinh tế, vì lâu nay 10 mặt hàng chủ lực của khối này chiếm đến một phần tư tổng kim ngạch xuất

khẩu của cả nước.

**Thứ bảy**, phân bổ các dự án chưa đồng đều và vẫn tập trung vào một số khu vực gần đây đã có hiện tượng căng thẳng về đất đai. Trong tổng số 8,87 tỷ USD vốn đăng ký mới và tăng thêm, có tới 6,46 tỷ USD “đổ vào” Bà Rịa - Vũng Tàu. Ở các vị trí tiếp theo vẫn là những cái tên quen thuộc như Tp.HCM, Bình Dương, Đà Nẵng, Hà Nội... lần lượt là 923 triệu USD, 328 triệu USD, 162 triệu USD và 120 triệu USD.

Theo Cục đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, dự báo, với lượng hồ sơ dự án đang có trong tay, khả năng đến cuối năm 2009, FDI sẽ đạt là 20 tỷ USD thu hút mới và 8 tỷ USD vốn giải ngân. Theo thông lệ, người ta thường đẩy nhanh việc giải ngân các khoản tài chính được giao của nhà đầu tư trong những tháng cuối năm. Sáu tháng cuối năm bao giờ kết quả cũng lớn hơn 6 tháng đầu năm. Đồng thời cũng có một loạt các dự án tiềm năng đang tìm hiểu cơ hội đầu tư và có khả năng cấp phép trong thời gian tới.

### Một số giải pháp

**Thứ nhất**, Về nhóm giải pháp liên quan tới chính sách thu hút đầu tư, Chính phủ chỉ đạo, tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung chính sách về đầu tư, kinh doanh, ban hành các ưu đãi khuyến khích đầu tư vào một số lĩnh vực, thực hiện các biện pháp thúc đẩy giải ngân...

**Thứ hai**, Về quy hoạch. Công bố rộng rãi các quy hoạch đã được phê duyệt, đẩy nhanh tiến độ giải phóng mặt

bằng các dự án đầu tư, quán triệt và thực hiện thống nhất quy định của Luật Đầu tư trong công tác quy hoạch... Báo cáo rà soát quy hoạch hoàn thành trong quý IV/2009.

**Thứ ba,** Về cơ sở hạ tầng, bao gồm tổng rà soát, điều chỉnh, phê duyệt và công bố các quy hoạch về kết cấu hạ tầng đến năm 2020, huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, tăng cường năng lực cạnh tranh của hệ thống cảng biển, kêu gọi vốn đầu tư vào các cảng lớn của các khu vực kinh tế như hệ thống cảng Hiệp Phước - Thị Vải, Lạch Huyện...

**Thứ tư,** Về nguồn nhân lực, Chính phủ yêu cầu hoàn thiện các văn bản pháp lý về hợp tác đầu tư trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, tạo điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư nước ngoài (ĐTNN) đào tạo lao động ở các trình độ, nghiên

cứu điều chỉnh chuyên dịch cơ cấu lao động theo tốc độ chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nâng cao trình độ lao động, đặc biệt đối với người nông dân bị thu hồi đất sản xuất để giao cho dự án.

**Thứ năm,** Về công tác phối hợp trong quản lý nhà nước đối với hoạt động ĐTNN. Trung ương và địa phương sẽ phối hợp chặt chẽ trong việc cấp phép và quản lý các dự án ĐTNN. Tăng cường đào tạo bồi dưỡng cán bộ quản lý ĐTNN, tiến hành tổng kết, đánh giá việc phân cấp trong quản lý nhà nước về hoạt động ĐTNN...

**Thứ sáu,** là nhóm giải pháp về xúc tiến đầu tư, gồm nghiên cứu đề xuất chính sách vận động, thu hút đầu tư đối với các tập đoàn đa quốc gia cũng như có chính sách riêng đối với từng tập đoàn và các đối tác trọng điểm, hoàn thành

việc xây dựng thông tin chi tiết về dự án đối với danh mục đầu tư quốc gia kêu gọi đầu tư nước ngoài giai đoạn 2006 - 2010, tổ chức khảo sát, nghiên cứu và xây dựng mô hình cơ quan xúc tiến đầu tư ở Trung ương và địa phương...

Bên cạnh 6 nhóm trên, Chính phủ cũng đề ra một số giải pháp khác như đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, duy trì cơ chế đối thoại thường xuyên giữa lãnh đạo Chính phủ, các Bộ, ngành với các nhà đầu tư, đặc biệt là Diễn đàn doanh nghiệp hàng năm, tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra...

Với mỗi giải pháp, Chính phủ phân công cụ thể các Bộ, ngành thực hiện, trong đó, nhiều nhiệm vụ phải hoàn thành trong quý III/2009./.

### 10 đối tác có số vốn đăng ký cao nhất

TT	Đối tác	Số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký (USD)	Vốn điều lệ (USD)
1	Đài Loan	1,996	21,196,157,613	8,558,822,470
2	Hàn Quốc	2,183	20,052,918,508	6,747,757,790
3	Malaysia	324	18,020,284,001	3,856,122,432
4	Nhật Bản	1,113	17,566,367,418	5,084,064,482
5	Singapore	722	16,906,560,345	5,372,155,516
6	BritishVirginIslands	444	12,849,345,931	4,249,632,704
7	Hoa Kỳ	464	8,587,009,793	2,158,455,578
8	Hồng Kông	541	7,416,313,070	2,632,352,841
9	Thái Lan	202	5,687,035,708	2,412,790,622
10	Canada	82	4,784,466,125	1,004,782,656
	Tổng số	8,071	133,066,458,512	42,076,937,091

Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài "Báo cáo nhanh đầu tư trực tiếp nước ngoài 6 tháng 2009"

## Báo cáo đầu tư trực tiếp nước ngoài 6 tháng 2009

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	6 tháng 2008	6 tháng 2009	So với cùng kỳ
1	Vốn thực hiện	triệu USD	4,900.0	4,000.0	81.6%
2	Vốn đăng ký	triệu USD	39,181.9	8,871.1	22.6%
2.1	Cấp mới	triệu USD	35,535.5	4,721.8	13.3%
2.2	Tăng thêm	triệu USD	3,646.4	4,149.3	113.8%
3	Số dự án				
3.1	Cấp mới	Dự án	889	306	34,4%
3.2	Tăng vốn	lượt dự án	229	68	29.7%
4	Xuất khẩu				
4.1	Kể cả dầu thô	triệu USD	16,821	13,623	81.0%
4.2	Không kể dầu thô	triệu USD	11,160	10,313	92,4%
5	Nhập khẩu	triệu USD	13,821	10,481	75.8%

Ghi chú: Số liệu về dự án và vốn đăng ký 6 tháng 2009 là số tạm tính theo các báo cáo nhận được

Số liệu về dự án và vốn đăng ký 6 tháng 2008 tính từ ngày 1/1 đến ngày 19/6/2008

*Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài "Báo cáo nhanh đầu tư trực tiếp nước ngoài 6 tháng 2009"*

**Tổng hợp đầu tư trực tiếp nước ngoài tại Việt Nam  
(phân theo ngành)**

*Các dự án còn hiệu lực tính đến ngày 19/06/2009*

TT	Chuyên ngành	Số dự án	Tổng vốn đầu tư đăng ký (USD)	Tỷ trọng
1	CN chế biến, chế tạo	6,616	87,400,937,034	53%
2	KD bất động sản	298	33,929,358,767	21%
3	Dvụ lưu trú và ăn uống	247	10,937,627,712	7%
4	Xây dựng	448	9,117,746,207	6%
5	Thông tin và truyền thông	527	4,644,183,917	3%
6	Nghệ thuật và giải trí	114	3,662,077,178	2%
7	Khai khoáng	64	3,078,076,547	2%
8	Nông, lâm nghiệp; thủy sản	473	2,960,297,601	2%
9	Vận tải kho bãi	269	2,125,380,039	1%
10	SX, pp điện, khí, nước, đ. hòa	38	2,106,892,464	1%
11	Tài chính, ngân hàng, bảo hiểm	71	1,181,625,080	1%
12	Bán buôn, bán lẻ; sửa chữa	220	1,006,350,781	1%
13	Y tế và trợ giúp XH	62	951,775,273	1%
14	Dịch vụ khác	55	600,362,000	0%
15	HĐ chuyên môn, KHCN	686	508,225,923	0%
16	Giáo dục và đào tạo	121	243,503,203	0%
17	Hành chính và dvụ hỗ trợ	86	177,212,926	0%
18	Cấp nước; xử lý chất thải	14	48,323,000	0%

*Nguồn: Cục Đầu tư nước ngoài "Báo cáo nhanh đầu tư trực tiếp nước ngoài 6 tháng 2009"*